TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HN- ST
Ngày 08/6/2020
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Bá Đức.

Ông Phạm Văn Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa*: -Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày **08** tháng **6** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2020/TLST-HN ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc "*xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103A/2020/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 109/2020/QĐST-HN ngày 26/5/2020 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bùi Thị Mộng Th, sinh 1986 (có mặt)

ĐKTT: Ấp An Ph, xã An T, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Tạm Trú: ấp Ruộng Tre, xã Bảo Quang, thành phố Long khánh, tỉnh Đồng Nai

**** Bị đơn*:**

Nguyễn Văn T, sinh 1985 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp An Ph, xã An T, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Th trình bày:

Vào năm 2005 do mai mối, nên tôi và anh T đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Thẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chí thú làm ăn từ, đó chúng tôi sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh T.

Quá trình sống chung chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Huy Đ , sinh 04/5/2006 và Nguyễn Bùi Bảo Y, sinh ngày 04/6/2011, các con hiện đang sống với chồng tôi, nay tôi đồng ý để các con cho chồng nuôi, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mặt dù đã được tống đạt hợp lệ đầy đủ, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Th cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Th có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị Th là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn Thộc xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị Th, anh T kết hôn trên cơ sở mai mối nhưng anh, chị tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài có con chung lẽ ra

anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu Thẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu Thẫn trầm trọng và anh, chị đã quyết định sống ly thân cách nay hơn 01 năm bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh T đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh T không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị Th. Xét mâu Thẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp.

[2] Về con chung: Từ lúc vợ chồng chị Th sống ly thân các con vẫn sống chung với anh T, chị Th vẫn đồng ý để các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của các con sau khi được hỏi ý kiến thì các con vẫn có nguyễn vọng sống với anh T, nên giao các con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81,82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Mộng Th. Chị Bùi Thị Mộng Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy Đ , sinh 04/5/2006 và Nguyễn Bùi Bảo Y, sinh ngày 04/6/2011, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị Th, anh T được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Th chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Th số 0008267 ngảy 12/02/2020 là đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã An Thới(1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thanh Phong